

Biểu số: 04/TK-THADS  
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP  
ngày 10 tháng 6 năm 2024  
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO  
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN  
08 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo:  
  
Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc và %

| STT | Tên chỉ tiêu           | Tổng số giải quyết | Chia ra:                                                                         |            | Ủy thác THA | Thu hồi, hủy quyết định THA | Tổng số phải thi hành | Chia ra:                      |                       |               |              |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                 | Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng) | Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện |
|-----|------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------|--------------|---------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|     |                        |                    | Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng) | Thụ lý mới |             |                             |                       | Tổng số có điều kiện thi hành | Chia ra:              |               |              | Đang thi hành | Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48 | Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) | Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48) | Tạm đình chỉ THA | Trường hợp khác |                                                                             |                                           |
|     |                        |                    |                                                                                  |            |             |                             |                       |                               | Tổng số thi hành xong | Thi hành xong | Đình chỉ THA |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                 |                                                                             |                                           |
| A   |                        | 1                  | 2                                                                                | 3          | 4           | 5                           | 6                     | 7                             | 8                     | 9             | 10           | 11            | 12                                   | 13                                                         | 14                                                 | 15               | 16              | 17                                                                          | 18                                        |
|     | Tổng số                | 13,493             | 6,023                                                                            | 7,470      | 34          | 14                          | 13,445                | 10,871                        | 6,198                 | 6,154         | 44           | 4,665         | 8                                    | 2,445                                                      | 64                                                 | 13               | 52              | 7,247                                                                       | 57.01%                                    |
| I   | Phòng NV               | 748                | 277                                                                              | 471        | 5           | -                           | 743                   | 625                           | 406                   | 404           | 2            | 218           | 1                                    | 115                                                        | 3                                                  | -                | -               | 337                                                                         | 64.96%                                    |
| 1   | Nguyễn Minh Đức        | 5                  |                                                                                  | 5          |             |                             | 5                     | 5                             | 5                     | 5             |              |               |                                      | -                                                          |                                                    |                  |                 | -                                                                           | 100.00%                                   |
| 2   | Vũ Ngọc Phương         | 35                 | 11                                                                               | 24         | -           | -                           | 35                    | 31                            | 25                    | 25            | -            | 6             | -                                    | 3                                                          | 1                                                  |                  |                 | 10                                                                          | 80.65%                                    |
| 3   | Trần Việt Cường        | 4                  |                                                                                  | 4          |             |                             | 4                     | 4                             | 4                     | 4             |              |               |                                      | -                                                          |                                                    |                  |                 | -                                                                           | 100.00%                                   |
| 4   | Lê Chí Linh            | 5                  |                                                                                  | 5          |             | -                           | 5                     | 5                             | 5                     | 5             | -            |               | -                                    | -                                                          |                                                    |                  |                 | -                                                                           | 100.00%                                   |
| 5   | Phạm Ngọc Chanh        | 4                  |                                                                                  | 4          |             | -                           | 4                     | 4                             | 4                     | 4             | -            |               | -                                    | -                                                          |                                                    |                  |                 | -                                                                           | 100.00%                                   |
| 6   | Ngô Thị Hồng Nhung     | 4                  |                                                                                  | 4          |             | -                           | 4                     | 4                             | 4                     | 4             | -            |               | -                                    | -                                                          |                                                    |                  |                 | -                                                                           | 100.00%                                   |
| 7   | Đỗ Tương Thống         | 86                 | 20                                                                               | 66         | -           | -                           | 86                    | 76                            | 72                    | 72            | -            | 4             | -                                    | 10                                                         | -                                                  |                  |                 | 14                                                                          | 94.74%                                    |
| 8   | Lê Quốc Huy            | 21                 | 4                                                                                | 17         | -           | -                           | 21                    | 20                            | 14                    | 14            | -            | 6             | -                                    | 1                                                          | -                                                  |                  |                 | 7                                                                           | 70.00%                                    |
| 9   | Nguyễn Thị Mỹ Lan      | 73                 | 23                                                                               | 50         | -           | -                           | 73                    | 64                            | 45                    | 45            | -            | 19            | -                                    | 9                                                          | -                                                  |                  |                 | 28                                                                          | 70.31%                                    |
| 10  | Vũ Huyền Trang         | 86                 | 30                                                                               | 56         | -           | -                           | 86                    | 76                            | 57                    | 56            | 1            | 19            | -                                    | 10                                                         | -                                                  |                  |                 | 29                                                                          | 75.00%                                    |
| 11  | Trần Thị Lan           | 41                 | 14                                                                               | 27         | -           | -                           | 41                    | 40                            | 20                    | 20            | -            | 20            | -                                    | -                                                          | 1                                                  |                  |                 | 21                                                                          | 50.00%                                    |
| 12  | Nguyễn Quốc Việt       | 64                 | 43                                                                               | 21         | -           | -                           | 64                    | 56                            | 8                     | 7             | 1            | 48            | -                                    | 8                                                          | -                                                  |                  |                 | 56                                                                          | 14.29%                                    |
| 13  | Nguyễn Minh Trường     | 100                | 67                                                                               | 33         | -           | -                           | 100                   | 47                            | 23                    | 23            | -            | 23            | 1                                    | 52                                                         | 1                                                  |                  |                 | 77                                                                          | 48.94%                                    |
| 14  | Trần Thị Thu           | 105                | 65                                                                               | 40         |             |                             | 105                   | 83                            | 47                    | 47            |              | 36            |                                      | 22                                                         |                                                    |                  |                 | 58                                                                          | 56.63%                                    |
| 15  | Trần Việt Trung        | 31                 | -                                                                                | 31         | 5           | -                           | 26                    | 26                            | 18                    | 18            | -            | 8             | -                                    | -                                                          | -                                                  |                  |                 | 8                                                                           | 69.23%                                    |
| 16  | Chu Văn Đăng           | 18                 | -                                                                                | 18         | -           | -                           | 18                    | 18                            | 17                    | 17            | -            | 1             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -               | 1                                                                           |                                           |
| 17  | Lương Ngọc Hưng        | 30                 | -                                                                                | 30         | -           | -                           | 30                    | 30                            | 12                    | 12            | -            | 18            | -                                    | -                                                          | -                                                  |                  |                 | 18                                                                          | 40.00%                                    |
| 18  | Trương Thị Huyền Thườn | 36                 | -                                                                                | 36         |             | -                           | 36                    | 36                            | 26                    | 26            | -            | 10            | -                                    | -                                                          |                                                    |                  |                 | 10                                                                          | 72.22%                                    |
| II  | Các KV                 | 12,745             | 5,746                                                                            | 6,999      | 29          | 14                          | 12,702                | 10,246                        | 5,792                 | 5,750         | 42           | 4,447         | 7                                    | 2,330                                                      | 61                                                 | 13               | 52              | 6,910                                                                       | 56.53%                                    |
| 1   | KV 1                   | 1,135              | 555                                                                              | 580        | 5           | 1                           | 1,129                 | 963                           | 487                   | 481           | 6            | 475           | 1                                    | 156                                                        | 2                                                  | 8                | -               | 642                                                                         | 50.57%                                    |
| 1,1 | Nguyễn Tài Tuấn        | 240                | 142                                                                              | 98         |             |                             | 240                   | 217                           | 78                    | 78            | -            | 139           |                                      | 23                                                         | -                                                  |                  | -               | 162                                                                         | 35.94%                                    |
| 1,4 | Nguyễn Quang Minh      | 159                | 85                                                                               | 74         | -           |                             | 159                   | 147                           | 63                    | 63            |              | 83            | 1                                    | 12                                                         | -                                                  |                  |                 | 96                                                                          | 42.86%                                    |
| 1,5 | Giang Công Thủy        | 142                | 42                                                                               | 100        | 5           |                             | 137                   | 122                           | 77                    | 75            | 2            | 45            |                                      | 15                                                         |                                                    | -                | -               | 60                                                                          | 63.11%                                    |
| 1,6 | Phạm Thị Hiếu          | 232                | 121                                                                              | 111        |             | 1                           | 231                   | 187                           | 111                   | 108           | 3            | 76            |                                      | 36                                                         |                                                    | 8                |                 | 120                                                                         | 59.36%                                    |

|     |                      |       |     |     |   |   |       |       |     |     |   |     |   |     |    |   |    |       |        |
|-----|----------------------|-------|-----|-----|---|---|-------|-------|-----|-----|---|-----|---|-----|----|---|----|-------|--------|
| 1,6 | Vũ Thị Cúc Hoa       | 213   | 104 | 109 |   |   | 213   | 170   | 88  | 88  |   | 82  |   | 42  | 1  |   |    | 125   | 51.76% |
| 1,7 | Bùi Ngọc Tuấn        | 149   | 61  | 88  |   |   | 149   | 120   | 70  | 69  | 1 | 50  |   | 28  | 1  |   |    | 79    | 58.33% |
| 2   | KV 2                 | 784   | 440 | 344 | - | - | 784   | 588   | 298 | 293 | 5 | 290 | - | 178 | -  | - | 18 | 486   | 50.68% |
| 1,1 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 224   | 97  | 127 | - |   | 224   | 179   | 116 | 115 | 1 | 63  | - | 45  | -  | - | -  | 108   | 64.80% |
| 1,2 | Lê Đình Tâm          | 302   | 188 | 114 | - |   | 302   | 221   | 113 | 112 | 1 | 108 | - | 81  | -  | - | -  | 189   | 51.13% |
| 1,3 | Phạm Văn Tuấn        | 258   | 155 | 103 |   |   | 258   | 188   | 69  | 66  | 3 | 119 | - | 52  | -  | - | 18 | 189   | 36.70% |
| 3   | KV 3                 | 1,441 | 934 | 507 | 5 | 1 | 1,435 | 992   | 417 | 416 | 1 | 575 | - | 443 | -  | - | -  | 1,018 | 42.04% |
| 1,1 | Phạm Xuân Tường      | 159   | 64  | 95  | 1 | - | 158   | 126   | 87  | 87  | - | 39  | - | 32  | -  | - | -  | 71    | 69.05% |
| 1,2 | Nguyễn Ánh Ngọc      | 229   | 152 | 77  | - | - | 229   | 149   | 72  | 72  | - | 77  | - | 80  | -  | - | -  | 157   | 48.32% |
| 1,3 | Đinh Hồng Nguyên     | 233   | 158 | 75  | 2 | - | 231   | 141   | 54  | 54  | - | 87  | - | 90  | -  | - | -  | 177   | 38.30% |
| 1,4 | Nguyễn Thị Mai       | 319   | 201 | 118 | - | - | 319   | 230   | 101 | 100 | 1 | 129 | - | 89  | -  | - | -  | 218   | 43.91% |
| 1,6 | Lê Công Kiên         | 228   | 165 | 63  | 1 | 1 | 226   | 167   | 38  | 38  | - | 129 | - | 59  | -  | - | -  | 188   | 22.75% |
| 1,7 | Vũ Thành Luân        | 273   | 194 | 79  | 1 | - | 272   | 179   | 65  | 65  | - | 114 | - | 93  | -  | - | -  | 207   | 36.31% |
| 4   | KV 4                 | 1,136 | 610 | 526 | 7 | 3 | 1,126 | 896   | 539 | 535 | 4 | 357 | - | 230 | -  | - | -  | 587   | 60.16% |
| 1,1 | Trần Thị Ngọt        | 135   | 69  | 66  | 2 | - | 133   | 94    | 70  | 70  | - | 24  | - | 39  | -  | - | -  | 63    | 74.47% |
| 1,2 | Phạm Hải Sơn         | 206   | 118 | 88  | 2 | - | 204   | 156   | 77  | 77  | - | 79  | - | 48  | -  | - | -  | 127   | 49.36% |
| 1,3 | Phạm Thị Phụng       | 271   | 148 | 123 | - | - | 271   | 222   | 129 | 128 | 1 | 93  | - | 49  | -  | - | -  | 142   | 58.11% |
| 1,4 | Phạm Tiến Dũng       | 241   | 127 | 114 | - | - | 241   | 202   | 109 | 107 | 2 | 93  | - | 39  | -  | - | -  | 132   | 53.96% |
| 1,5 | Nguyễn Văn Thắng     | 283   | 148 | 135 | 3 | 3 | 277   | 222   | 154 | 153 | 1 | 68  | - | 55  | -  | - | -  | 123   | 69.37% |
| 5   | KV 5                 | 1,247 | 489 | 758 | - | - | 1,247 | 992   | 624 | 622 | 2 | 368 | - | 252 | 3  | - | -  | 623   | 62.90% |
| 01  | Phan Thị Ngọc Lan    | 183   | 67  | 116 |   | - | 183   | 152   | 108 | 108 | - | 44  |   | 31  | -  |   |    | 75    | 71.05% |
| 02  | Nguyễn Minh Tuấn     | 189   | 70  | 119 |   | - | 189   | 149   | 86  | 85  | 1 | 63  |   | 40  | -  |   |    | 103   | 57.72% |
| 03  | Đỗ Thị Hoàn          | 201   | 66  | 135 |   | - | 201   | 179   | 101 | 101 |   | 78  |   | 22  | -  |   |    | 100   | 56.42% |
| 04  | Nguyễn Lập Thuận     | 40    | 15  | 25  |   | - | 40    | 35    | 18  | 18  | - | 17  |   | 5   | -  |   |    | 22    | 51.43% |
| 05  | Vũ Thị Ninh          | 117   | 55  | 62  |   | - | 117   | 79    | 44  | 44  | - | 35  |   | 37  | 1  |   |    | 73    | 55.70% |
| 06  | Phạm Thị Tuyết Mai   | 175   | 69  | 106 |   | - | 175   | 148   | 87  | 87  |   | 61  |   | 27  | -  |   |    | 88    | 58.78% |
| 07  | Nguyễn Quốc Thuận    | 342   | 147 | 195 |   | - | 342   | 250   | 180 | 179 | 1 | 70  |   | 90  | 2  |   |    | 162   | 72.00% |
| 6   | KV 6                 | 1,221 | 469 | 752 | 3 | - | 1,218 | 974   | 634 | 629 | 5 | 340 | - | 210 | -  | 2 | 32 | 584   | 65.09% |
| 1   | Hoàng Long           | 208   | 100 | 108 |   |   | 208   | 165   | 97  | 97  |   | 68  |   | 36  | -  | 2 | 5  | 111   | 58.79% |
| 2   | Hoàng Văn Linh       | 280   | 110 | 170 |   |   | 280   | 226   | 145 | 144 | 1 | 81  | - | 51  |    |   | 3  | 135   | 64.16% |
| 3   | Trần Khánh Dư        | 184   | 56  | 128 |   |   | 184   | 159   | 93  | 93  |   | 66  |   | 15  | -  |   | 10 | 91    | 58.49% |
| 4   | Lữ Thị Minh Châu     | 182   | 57  | 125 | 2 |   | 180   | 143   | 107 | 106 | 1 | 36  |   | 30  |    |   | 7  | 73    | 74.83% |
| 5   | Nguyễn Thị Hồng Vân  | 226   | 109 | 117 | 1 |   | 225   | 160   | 101 | 98  | 3 | 59  |   | 60  |    |   | 5  | 124   | 63.13% |
| 6   | Nguyễn Xuân Thắng    | 111   | 37  | 74  |   |   | 111   | 91    | 72  | 72  | - | 19  |   | 18  |    |   | 2  | 39    | 79.12% |
| 7   | Vũ Văn Khánh         | 30    | -   | 30  | - | - | 30    | 30    | 19  | 19  | - | 11  | - | -   | -  | - | -  | 11    | 63.33% |
| 7   | KV 7                 | 1,296 | 478 | 818 | 3 | - | 1,293 | 1,018 | 739 | 734 | 5 | 278 | 1 | 266 | 7  | - | 2  | 554   | 72.59% |
| 1   | Nguyễn Đức Chính     | 211   | 58  | 153 | 1 | - | 210   | 168   | 126 | 126 | - | 41  | 1 | 41  | 1  | - | -  | 84    | 75.00% |
| 2   | Bùi Công Chuyển      | 275   | 121 | 154 | 1 | - | 274   | 208   | 144 | 142 | 2 | 64  | - | 62  | 4  | - | -  | 130   | 69.23% |
| 3   | Đinh Trường Giang    | 169   | 83  | 86  | - | - | 169   | 132   | 76  | 75  | 1 | 56  | - | 34  | 2  | - | 1  | 93    | 57.58% |
| 4   | Nguyễn Thế Thắng     | 189   | 65  | 124 | - | - | 189   | 149   | 117 | 117 | - | 32  | - | 40  | -  | - | -  | 72    | 78.52% |
| 5   | Trần Thị Thùy        | 162   | 54  | 108 | 1 | - | 161   | 130   | 99  | 97  | 2 | 31  | - | 31  | -  | - | -  | 62    | 76.15% |
| 6   | Tô Thanh Tuyền       | 175   | 62  | 113 | - | - | 175   | 135   | 100 | 100 | - | 35  | - | 39  | -  | - | 1  | 75    | 74.07% |
| 7   | Trần Thị Vân         | 115   | 35  | 80  | - | - | 115   | 96    | 77  | 77  | - | 19  | - | 19  | -  | - | -  | 38    | 80.21% |
| 8   | KV 8                 | 821   | 260 | 561 | - | - | 821   | 714   | 308 | 306 | 2 | 406 | - | 93  | 14 | - | -  | 513   | 43.14% |

|     |                      |       |     |     |   |   |       |       |     |     |   |     |   |     |    |   |   |     |        |
|-----|----------------------|-------|-----|-----|---|---|-------|-------|-----|-----|---|-----|---|-----|----|---|---|-----|--------|
| 1   | Phạm Công Rĩnh       | 218   | 66  | 152 |   |   | 218   | 196   | 93  | 93  |   | 103 |   | 15  | 7  | - | - | 125 | 47.45% |
| 2   | Phùng Mạnh Tường     | 306   | 97  | 209 |   |   | 306   | 274   | 87  | 85  | 2 | 187 |   | 32  |    |   |   | 219 | 31.75% |
| 3   | Trần Thu Phương      | 119   | 24  | 95  |   |   | 119   | 105   | 82  | 82  |   | 23  |   | 14  |    |   |   | 37  | 78.10% |
| 4   | Ninh Khắc Anh        | 79    | 32  | 47  |   |   | 79    | 63    | 32  | 32  |   | 31  |   | 16  |    |   |   | 47  | 50.79% |
| 5   | Lương Đức Toàn       | 99    | 41  | 58  |   |   | 99    | 76    | 14  | 14  |   | 62  |   | 16  | 7  |   |   | 85  | 18.42% |
| 9   | KV 9                 | 1,020 | 376 | 644 | 2 | 2 | 1,016 | 885   | 531 | 530 | 1 | 351 | 3 | 119 | 12 | - | - | 485 | 60.00% |
| 1   | Đinh Văn Vĩnh        | 141   | 8   | 133 | 2 | 1 | 138   | 137   | 122 | 122 | - | 15  | - | 1   | -  | - | - | 16  | 89.05% |
| 2   | Ngô Thị Loan         | 175   | 73  | 102 | - | 1 | 174   | 144   | 91  | 91  | - | 51  | 2 | 25  | 5  | - | - | 83  | 63.19% |
| 3   | Nguyễn Ngọc Thành    | 205   | 89  | 116 | - | - | 205   | 185   | 109 | 109 | - | 76  | - | 20  | -  | - | - | 96  | 58.92% |
| 2   | Trần Ngọc Diệp       | 208   | 90  | 118 | - | - | 208   | 169   | 83  | 83  | - | 86  | - | 32  | 7  | - | - | 125 | 49.11% |
| 4   | Trần Thị Ngọc Anh    | 138   | 52  | 86  | - | - | 138   | 122   | 61  | 60  | 1 | 60  | 1 | 16  | -  | - | - | 77  | 50.00% |
| 5   | Trần Thị Tuyết Nhung | 153   | 64  | 89  | - | - | 153   | 128   | 65  | 65  | - | 63  | - | 25  | -  | - | - | 88  | 50.78% |
| 10  | KV 10                | 1,145 | 499 | 646 | 2 | 2 | 1,141 | 952   | 487 | 480 | 7 | 464 | 1 | 184 | 4  | 1 | - | 654 | 51.16% |
| 1.1 | Trần Văn Ninh        | 66    | 23  | 43  |   |   | 66    | 59    | 30  | 29  | 1 | 28  | 1 | 7   | -  |   |   | 36  | 50.85% |
| 1.2 | Nguyễn Thị Tám       | 343   | 134 | 209 | - |   | 343   | 279   | 158 | 154 | 4 | 121 | - | 64  |    |   |   | 185 | 56.63% |
| 1.3 | Đỗ Thị Việt Hà       | 212   | 110 | 102 | - | 2 | 210   | 181   | 89  | 89  |   | 92  |   | 29  |    |   |   | 121 | 49.17% |
| 1.4 | Nguyễn Bá Sang       | 284   | 122 | 162 |   |   | 284   | 231   | 113 | 111 | 2 | 118 |   | 49  | 4  |   |   | 171 | 48.92% |
| 1.5 | Nguyễn Thị Kim Anh   | 240   | 110 | 130 | 2 |   | 238   | 202   | 97  | 97  | - | 105 |   | 35  | -  | 1 | - | 141 | 48.02% |
| 11  | KV 11                | 1,499 | 636 | 863 | 2 | 5 | 1,492 | 1,272 | 728 | 724 | 4 | 543 | 1 | 199 | 19 | 2 | - | 764 | 57.23% |
| 1   | Trần Thị Sinh        | 216   | 91  | 125 | 1 | 4 | 211   | 187   | 114 | 113 | 1 | 72  | 1 | 21  | 2  | 1 |   | 97  | 60.96% |
| 2   | Lương Thị Hương      | 354   | 209 | 145 |   |   | 354   | 285   | 110 | 110 |   | 175 |   | 68  |    | 1 |   | 244 | 38.60% |
| 3   | Trần Thị The         | 342   | 195 | 147 |   | 0 | 342   | 288   | 137 | 135 | 2 | 151 | 0 | 50  | 4  |   | 0 | 205 | 47.57% |
| 4   | Trần Thị Nụ          | 302   | 78  | 224 | - | 1 | 301   | 262   | 183 | 182 | 1 | 79  | - | 31  | 8  |   |   | 118 | 69.85% |
| 5   | Trần Minh Anh        | 285   | 63  | 222 | 1 |   | 284   | 250   | 184 | 184 | - | 66  |   | 29  | 5  |   | - | 100 | 73.60% |

Ninh Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2026

KT.TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Đức Toàn

Lê Chí linh

Biểu số: 05/TK-THADS  
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP  
ngày 10 tháng 6 năm 2024  
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO  
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN  
08 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: 1.000 VND và %

| ST<br>T | Tên chi tiêu         | Tổng số giải quyết | Chia ra:                                                                         |               | Ủy thác THA | Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA | Tổng số phải thi hành | Chia ra:                      |                       |               |              |                   |               |                                      |                                                            |                                                    |                  | Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng) | Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện |                 |
|---------|----------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------|--------------|-------------------|---------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|
|         |                      |                    | Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng) | Thụ lý mới    |             |                                  |                       | Tổng số có điều kiện thi hành | Tổng số thi hành xong | Chia ra:      |              |                   | Đang thi hành | Hoàn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48 | Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) | Hoàn THA (trừ số hoàn theo điểm c khoản 1 Điều 48) | Tạm đình chỉ THA |                                                                             |                                           | Trường hợp khác |
|         |                      |                    |                                                                                  |               |             |                                  |                       |                               |                       | Thi hành xong | Đinh chỉ THA | Giảm nghĩa vụ THA |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                                                                             |                                           |                 |
|         | A                    | 1                  | 2                                                                                | 3             | 4           | 5                                | 6                     | 7                             | 8                     | 9             | 10           | 11                | 12            | 13                                   | 14                                                         | 15                                                 | 16               | 17                                                                          | 18                                        | 19              |
|         | Tổng số              | 8,002,413,949      | 4,694,434,074                                                                    | 3,307,979,875 | 153,633,459 | 899,500                          | 7,847,880,990         | 4,596,302,973                 | 1,030,057,885         | 786,523,209   | 243,530,363  | 4,313             | 3,565,468,473 | 776,615                              | 3,132,539,464                                              | 95,260,797                                         | 13,183,110       | 10,594,646                                                                  | 6,817,823,104                             | 22.41%          |
| I       | Phòng NV             | 2,353,855,064      | 1,038,229,850                                                                    | 1,315,625,214 | 13,478,031  | -                                | 2,340,377,033         | 1,456,593,998                 | 81,670,992            | 81,432,500    | 238,492      | -                 | 1,374,916,781 | 6,225                                | 873,781,654                                                | 10,001,381                                         | -                | -                                                                           | 2,258,706,041                             | 5.61%           |
| 1       | Nguyễn Minh Đức      | 90,050             |                                                                                  | 90,050        |             |                                  | 90,050                | 90,050                        | 90,050                | 90,050        |              |                   |               |                                      | -                                                          |                                                    |                  |                                                                             | -                                         | 100.00%         |
| 2       | Vũ Ngọc Phương       | 549,020,047        | 539,714,052                                                                      | 9,305,995     | 250,000     | -                                | 548,770,047           | 18,142,363                    | 17,876,965            | 17,876,965    | -            | -                 | 265,398       | -                                    | 520,627,684                                                | 10,000,000                                         | -                | -                                                                           | 530,893,082                               | 98.54%          |
| 3       | Trần Việt Cường      | 31,200             |                                                                                  | 31,200        | -           | -                                | 31,200                | 31,200                        | 31,200                | 31,200        | -            | -                 |               | -                                    | -                                                          |                                                    | -                | -                                                                           | -                                         | 100.00%         |
| 4       | Lê Chí Linh          | 31,900             |                                                                                  | 31,900        | -           | -                                | 31,900                | 31,900                        | 31,900                | 31,900        | -            | -                 |               | -                                    | -                                                          |                                                    | -                | -                                                                           | -                                         | 100.00%         |
| 5       | Phạm Ngọc Chanh      | 2,000              |                                                                                  | 2,000         | -           | -                                | 2,000                 | 2,000                         | 2,000                 | 2,000         | -            | -                 |               | -                                    | -                                                          |                                                    | -                | -                                                                           | -                                         | 100.00%         |
| 6       | Ngô Thị Hồng Nhung   | 94,900             |                                                                                  | 94,900        | -           | -                                | 94,900                | 94,900                        | 94,900                | 94,900        | -            | -                 |               | -                                    | -                                                          |                                                    | -                | -                                                                           | -                                         | 100.00%         |
| 7       | Đỗ Tương Thông       | 382,778,707        | 356,713,541                                                                      | 26,065,166    | 10,437,184  | -                                | 372,341,523           | 89,894,593                    | 20,722,495            | 20,722,495    | -            | -                 | 69,172,098    | -                                    | 282,446,930                                                | -                                                  | -                | -                                                                           | 351,619,028                               | 23.05%          |
| 8       | Lê Quốc Huy          | 3,946,450          | 1,874,566                                                                        | 2,071,884     | 840,200     | -                                | 3,106,250             | 2,578,319                     | 1,612,083             | 1,612,083     | -            | -                 | 966,236       | -                                    | 527,931                                                    | -                                                  | -                | -                                                                           | 1,494,167                                 | 62.52%          |
| 9       | Nguyễn Thị Mỹ Lan    | 13,938,891         | 6,299,769                                                                        | 7,639,122     | 520,200     | -                                | 13,418,691            | 12,253,378                    | 9,743,877             | 9,743,877     | -            | -                 | 2,509,501     | -                                    | 1,165,313                                                  | -                                                  | -                | -                                                                           | 3,674,814                                 | 79.52%          |
| 10      | Vũ Huyền Trang       | 698,018,489        | 44,702,808                                                                       | 653,315,681   | 556,875     | -                                | 697,461,614           | 659,907,306                   | 3,632,571             | 3,575,079     | 57,492       | -                 | 656,274,735   | -                                    | 37,554,308                                                 | -                                                  | -                | -                                                                           | 693,829,043                               | 0.55%           |
| 11      | Trần Thị Lan         | 4,800,740          | 2,756,543                                                                        | 2,044,197     | 3,300       | -                                | 4,797,440             | 4,797,439                     | 3,052,830             | 3,052,830     | -            |                   | 1,744,609     | -                                    | -                                                          | 1                                                  | -                | -                                                                           | 1,744,610                                 | 63.63%          |
| 12      | Nguyễn Quốc Việt     | 18,605,244         | 11,993,041                                                                       | 6,612,203     | -           | -                                | 18,605,244            | 14,833,206                    | 5,628,392             | 5,447,392     | 181,000      | -                 | 9,204,814     | -                                    | 3,772,038                                                  | -                                                  | -                | -                                                                           | 12,976,852                                | 37.94%          |
| 13      | Nguyễn Minh Trường   | 60,705,593         | 53,274,715                                                                       | 7,430,878     | -           | -                                | 60,705,593            | 41,911,075                    | 9,807,756             | 9,807,756     | -            | -                 | 32,097,094    | 6,225                                | 18,793,138                                                 | 1,380                                              | -                | -                                                                           | 50,897,837                                | 23.40%          |
| 14      | Trần Thị Thu         | 32,982,118         | 20,900,815                                                                       | 12,081,303    | 246,100     |                                  | 32,736,018            | 23,841,706                    | 7,158,847             | 7,158,847     |              |                   | 16,682,859    |                                      | 8,894,312                                                  |                                                    |                  |                                                                             | 25,577,171                                | 30.03%          |
| 15      | Trần Việt Trung      | 855,070            | -                                                                                | 855,070       | 624,172     | -                                | 230,898               | 230,898                       | 210,022               | 210,022       | -            | -                 | 20,876        | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -                                                                           | 20,876                                    | 90.96%          |
| 16      | Chu Văn Đăng         | 600,204            | -                                                                                | 600,204       | -           | -                                | 600,204               | 600,204                       | 600,203               | 600,203       | -            | -                 | 1             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -                                                                           | 1                                         |                 |
| 17      | Lương Ngọc Hưng      | 981,477            | -                                                                                | 981,477       | -           | -                                | 981,477               | 981,477                       | 594,554               | 594,554       | -            | -                 | 386,923       | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -                                                                           | 386,923                                   | 60.58%          |
| 18      | Trương Thị Huyền Thu | 586,371,984        | -                                                                                | 586,371,984   | -           | -                                | 586,371,984           | 586,371,984                   | 780,347               | 780,347       | -            | -                 | 585,591,637   | -                                    | -                                                          |                                                    | -                | -                                                                           | 585,591,637                               | 0.13%           |
| II      | Các KV               | 5,648,558,885      | 3,656,204,224                                                                    | 1,992,354,661 | 140,155,428 | 899,500                          | 5,507,503,957         | 3,139,708,975                 | 948,386,893           | 705,090,709   | 243,291,871  | 4,313             | 2,190,551,692 | 770,390                              | 2,258,757,810                                              | 85,259,416                                         | 13,183,110       | 10,594,646                                                                  | 4,559,117,063                             | 30.21%          |
| 1       | KV1                  | 891,844,226        | 460,224,407                                                                      | 431,619,819   | 32,655,930  | -                                | 859,188,296           | 667,803,861                   | 244,044,717           | 127,191,597   | 116,848,807  | 4,313             | 423,759,143   | 1                                    | 143,018,585                                                | 35,342,363                                         | 13,023,487       | -                                                                           | 615,143,579                               | 36.54%          |
| 1,1     | Nguyễn Tài Tuấn      | 106,907,230        | 74,153,867                                                                       | 32,753,363    | 70,400      |                                  | 106,836,830           | 81,467,118                    | 5,611,582             | 5,438,213     | 173,369      |                   | 75,855,536    |                                      | 25,369,712                                                 |                                                    | -                |                                                                             | 101,225,248                               | 6.89%           |
| 1,2     | Nguyễn Quang Minh    | 97,021,228         | 68,834,875                                                                       | 28,186,353    | 20,200      |                                  | 97,001,028            | 93,210,178                    | 6,966,058             | 6,873,211     | 92,847       |                   | 86,244,119    | 1                                    | 3,790,850                                                  |                                                    |                  |                                                                             | 90,034,970                                | 7.47%           |
| 1,3     | Giang Công Thủy      | 240,756,554        | 82,101,878                                                                       | 158,654,676   | 30,441,581  |                                  | 210,314,973           | 205,675,275                   | 101,768,712           | 3,863,415     | 97,905,297   |                   | 103,906,563   |                                      | 4,639,698                                                  |                                                    |                  |                                                                             | 108,546,261                               | 49.48%          |
| 1,4     | Phạm Thị Hiếu        | 111,362,546        | 60,199,503                                                                       | 51,163,043    | 2,123,749   |                                  | 109,238,797           | 79,695,088                    | 25,364,500            | 23,672,876    | 1,691,624    |                   | 54,330,588    |                                      | 16,520,222                                                 |                                                    | 13,023,487       |                                                                             | 83,874,297                                | 31.83%          |
| 1,5     | Vũ Thị Cúc Hoa       | 256,183,858        | 125,544,249                                                                      | 130,639,609   |             |                                  | 256,183,858           | 157,044,485                   | 69,844,940            | 54,680,844    | 15,159,783   | 4,313             | 87,199,545    |                                      | 63,797,010                                                 | 35,342,363                                         |                  |                                                                             | 186,338,918                               | 44.47%          |
| 1,6     | Bùi Ngọc Tuấn        | 79,612,810         | 49,390,035                                                                       | 30,222,775    |             |                                  | 79,612,810            | 50,711,717                    | 34,488,925            | 32,663,038    | 1,825,887    |                   | 16,222,792    |                                      | 28,901,093                                                 |                                                    |                  |                                                                             | 45,123,885                                | 68.01%          |
| 2       | KV2                  | 135,990,929        | 105,752,599                                                                      | 30,238,330    | -           | -                                | 135,990,929           | 68,281,428                    | 10,547,761            | 9,514,685     | 1,033,076    | -                 | 57,733,667    | -                                    | 67,633,591                                                 | -                                                  | -                | 75,910                                                                      | 125,443,168                               | 15.45%          |
| 1       | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 51,662,456         | 43,541,456                                                                       | 8,121,000     | -           |                                  | 51,662,456            | 13,009,103                    | 5,509,788             | 4,973,997     | 535,791      | -                 | 7,499,315     | -                                    | 38,653,353                                                 | -                                                  | -                | -                                                                           | 46,152,668                                | 42.35%          |
| 2       | Lê Đình Tâm          | 50,686,158         | 38,348,792                                                                       | 12,337,366    | -           |                                  | 50,686,158            | 23,327,625                    | 2,275,937             | 2,043,085     | 232,852      | -                 | 21,051,688    | -                                    | 27,358,533                                                 | -                                                  | -                | -                                                                           | 48,410,221                                | 9.76%           |
| 3       | Phạm Văn Tuấn        | 33,642,315         | 23,862,351                                                                       | 9,779,964     |             |                                  | 33,642,315            | 31,944,700                    | 2,762,036             | 2,497,603     | 264,433      | -                 | 29,182,664    | -                                    | 1,621,705                                                  | -                                                  | -                | 75,910                                                                      |                                           | 8.65%           |

|     |                     |             |              |              |             |         |             |             |            |              |            |   |              |         |             |            |           |             |             |        |
|-----|---------------------|-------------|--------------|--------------|-------------|---------|-------------|-------------|------------|--------------|------------|---|--------------|---------|-------------|------------|-----------|-------------|-------------|--------|
| 3   | KV3                 | 369,876,627 | 183,733,301  | 186,143,326  | 26,738,934  | 56,321  | 343,081,372 | 284,923,832 | 60,102,990 | 41,696,325   | 18,406,665 | - | 224,820,842  | -       | 58,157,540  | -          | -         | -           | 282,978,382 | 21.09% |
| 1,1 | Phạm Xuân Tường     | 68,702,569  | 10,813,540   | 57,889,029   | 4,642,443   | -       | 64,060,126  | 57,342,715  | 3,597,403  | 3,597,403    | -          | - | 53,745,312   | -       | 6,717,411   | -          | -         | -           | 60,462,723  | 6.27%  |
| 1,2 | Nguyễn Ánh Ngọc     | 32,332,190  | 19,816,704   | 12,515,486   | -           | -       | 32,332,190  | 27,231,208  | 3,650,909  | 3,441,937    | 208,972    | - | 23,580,299   | -       | 5,100,982   | -          | -         | -           | 28,681,281  | 13.41% |
| 1,3 | Đinh Hồng Nguyễn    | 34,197,638  | 9,238,183    | 24,959,455   | 16,936,298  | -       | 17,261,340  | 12,979,247  | 1,254,860  | 1,254,860    | -          | - | 11,724,387   | -       | 4,282,093   | -          | -         | -           | 16,006,480  | 9.67%  |
| 1,4 | Nguyễn Thị Mai      | 152,597,747 | 84,055,647   | 68,542,100   | 2,978,327   | -       | 149,619,420 | 125,935,368 | 40,280,406 | 22,177,171   | 18,103,235 | - | 85,654,962   | -       | 23,684,052  | -          | -         | -           | 109,339,014 | 31.98% |
| 1,5 | Lê Công Kiên        | 35,566,035  | 28,933,604   | 6,632,431    | 56,321      | 56,321  | 35,453,393  | 29,858,018  | 1,671,014  | 1,576,556    | 94,458     | - | 28,187,004   | -       | 5,595,375   | -          | -         | -           | 33,782,379  | 5.60%  |
| 1,6 | Vũ Thành Luân       | 46,480,448  | 30,875,623   | 15,604,825   | 2,125,545   | -       | 44,354,903  | 31,577,276  | 9,648,398  | 9,648,398    | -          | - | 21,928,878   | -       | 12,777,627  | -          | -         | -           | 34,706,505  | 30.55% |
| 4   | KV 4                | 643,271,533 | 481,886,526  | 161,385,007  | 4,752,139   | 122,898 | 638,396,496 | 292,424,039 | 68,622,029 | 43,058,994   | 25,563,035 | - | 223,802,009  | -       | 345,972,458 | -          | -         | -           | 569,774,467 | 23.47% |
| 1,1 | Trần Thị Ngọt       | 119,522,969 | 111,968,621  | 7,554,348    | 3,797,119   | -       | 115,725,850 | 9,661,275   | 3,447,364  | 3,447,364    | -          | - | 6,213,911    | -       | 106,064,575 | -          | -         | -           | 112,278,486 | 35.68% |
| 1,2 | Phạm Hải Sơn        | 131,325,929 | 50,828,901   | 80,497,028   | 240,332     | -       | 131,085,597 | 122,153,922 | 2,981,284  | 2,981,284    | -          | - | 119,172,638  | -       | 8,931,675   | -          | -         | -           | 128,104,313 | 2.44%  |
| 1,3 | Phạm Thị Phương     | 51,232,358  | 19,360,778   | 31,871,580   | -           | -       | 51,232,358  | 42,382,965  | 11,371,388 | 3,707,807    | 7,663,581  | - | 31,011,577   | -       | 8,849,393   | -          | -         | -           | 39,860,970  | 26.83% |
| 1,4 | Phạm Tiến Dũng      | 193,439,069 | 172,067,381  | 21,371,688   | -           | -       | 193,439,069 | 72,534,005  | 21,160,168 | 4,752,824    | 16,407,344 | - | 51,373,837   | -       | 120,905,064 | -          | -         | -           | 172,278,901 | 29.17% |
| 1,5 | Nguyễn Văn Thắng    | 147,751,208 | 127,660,845  | 20,090,363   | 714,688     | 122,898 | 146,913,622 | 45,691,871  | 29,661,825 | 28,169,715   | 1,492,110  | - | 16,030,046   | -       | 101,221,751 | -          | -         | -           | 117,251,797 | 64.92% |
| 5   | KV 5                | 489,090,830 | 189,353,209  | 299,737,621  | 166,000     | -       | 488,924,830 | 417,185,828 | 56,198,981 | 55,709,458   | 489,523    | - | 360,986,847  | -       | 71,488,911  | 250,091    | -         | -           | 432,725,849 | 13.47% |
| 01  | Phan Thị Ngọc Lan   | 17,122,788  | 9,005,346    | 8,117,442    |             |         | 17,122,788  | 9,713,517   | 5,506,236  | 5,506,236    |            |   | 4,207,281    |         | 7,409,271   | -          | -         | -           | 11,616,552  | 56.69% |
| 02  | Nguyễn Minh Tuấn    | 23,276,258  | 8,823,168    | 14,453,090   |             |         | 23,276,258  | 17,134,446  | 1,508,358  | 1,265,193    | 243,165    |   | 15,626,088   |         | 6,141,812   | -          | -         | -           | 21,767,900  | 8.80%  |
| 03  | Đỗ Thị Hoàn         | 84,691,963  | 4,717,674    | 79,974,289   | 20,100      |         | 84,671,863  | 82,519,840  | 6,646,097  | 6,646,097    |            |   | 75,873,743   |         | 2,152,023   | -          | -         | -           | 78,025,766  | 8.05%  |
| 04  | Nguyễn Lập Thuận    | 20,667,222  | 3,287,413    | 17,379,809   |             |         | 20,667,222  | 18,571,449  | 872,851    | 872,851      |            |   | 17,698,598   |         | 2,095,773   | -          | -         | -           | 19,794,371  | 4.70%  |
| 05  | Vũ Thị Ninh         | 23,522,673  | 14,739,268   | 8,783,405    |             |         | 23,522,673  | 8,984,201   | 785,739    | 785,739      |            |   | 8,198,462    |         | 14,538,472  | -          | -         | -           | 22,736,934  | 8.75%  |
| 06  | Phạm Thị Tuyết Mai  | 115,023,501 | 57,102,576   | 57,920,925   | 145,900     |         | 114,877,601 | 101,889,218 | 15,312,693 | 15,312,693   |            |   | 86,576,525   |         | 12,988,383  | -          | -         | -           | 99,564,908  | 15.03% |
| 08  | Nguyễn Quốc Thuận   | 204,786,425 | 91,677,764   | 113,108,661  |             |         | 204,786,425 | 178,373,157 | 25,567,007 | 25,320,649   | 246,358    |   | 152,806,150  |         | 26,163,177  | 250,091    | -         | -           | 179,219,418 | 14.33% |
| 6   | KV 6                | 273,231,517 | 148,775,796  | 124,455,721  | 2,471,695   | -       | 270,759,822 | 181,807,623 | 27,035,224 | 26,987,908   | 47,316     | - | 154,772,399  | -       | 78,365,291  | -          | 103,223   | 10,483,685  | 243,724,598 | 14.87% |
| 1,1 | Hoàng Long          | 82,132,888  | 61,003,833.0 | 21,129,055.0 |             |         | 82,132,888  | 62,223,197  | 7,510,096  | 7,510,096.0  |            | - | 54,713,101.0 |         | 19,806,468  | -          | 103,223.0 |             | 74,622,792  | 12.07% |
| 1,2 | Hoàng văn Linh      | 59,057,687  | 17,940,965.0 | 41,116,722.0 |             |         | 59,057,687  | 46,581,083  | 10,714,343 | 10,706,190.0 | 8,153.0    |   | 35,866,740.0 | -       | 12,471,174  | -          |           | 5,430.0     | 48,343,344  | 23.00% |
| 1,3 | Trần Khánh Dư       | 33,060,818  | 17,042,978.0 | 16,017,840.0 |             |         | 33,060,818  | 19,398,095  | 2,923,766  | 2,913,935.0  | 9,831.0    |   | 16,474,329.0 |         | 8,774,198   |            |           | 4,888,525.0 | 30,137,052  | 15.07% |
| 1,4 | Lữ Thị Minh Châu    | 46,653,272  | 8,213,696.0  | 38,439,576.0 | 2,470,917.0 |         | 44,182,355  | 37,270,222  | 3,699,167  | 3,698,967.0  | 200.0      | - | 33,571,055.0 |         | 6,912,133   | -          |           | -           | 40,483,188  | 9.93%  |
| 1,5 | Nguyễn Thị Hồng Vân | 43,687,884  | 41,300,576.0 | 2,387,308.0  | 778.0       |         | 43,687,106  | 8,998,760   | 984,269    | 967,084.0    | 17,185.0   |   | 8,014,491.0  |         | 29,098,617  |            |           | 5,589,729.0 | 42,702,837  | 10.94% |
| 07  | Nguyễn Xuân Thắng   | 5,677,670   | 3,273,748.0  | 2,403,922.0  |             |         | 5,677,670   | 4,374,968   | 738,489    | 726,542.0    | 11,947.0   | - | 3,636,479.0  |         | 1,302,701   | -          | -         | 1.0         | 4,939,181   | 16.88% |
| 1,6 | Vũ Văn Khánh        | 2,961,298   | -            | 2,961,298.0  | -           |         | 2,961,298   | 2,961,298   | 465,094    | 465,094.0    | -          | - | 2,496,204.0  |         | -           | -          | -         | -           | 2,496,204   | 15.71% |
| 7   | KV 7                | 579,814,294 | 435,969,586  | 143,844,708  | 50,917,734  | -       | 528,896,560 | 154,853,539 | 64,791,550 | 62,104,240   | 2,687,310  | - | 89,861,989   | 200,000 | 357,033,295 | 16,974,675 | -         | 35,051      | 464,105,010 | 41.84% |
| 1   | Nguyễn Đức Chính    | 29,846,009  | 21,528,354   | 8,317,655    | 7,670       | -       | 29,838,339  | 14,899,059  | 11,775,153 | 11,245,152   | 530,001    | - | 2,923,906    | 200,000 | 14,939,279  | 1          | -         | -           | 18,063,186  | 79.03% |
| 2   | Bùi Công Chuyển     | 92,024,149  | 57,268,800   | 34,755,349   | 30,444,290  | -       | 61,579,859  | 19,230,805  | 6,576,861  | 5,960,401    | 616,460    | - | 12,653,944   | -       | 25,375,381  | 16,973,673 | -         | -           | 55,002,998  | 34.20% |
| 3   | Đinh Trường Giang   | 70,385,845  | 40,674,190   | 29,711,655   | 17,191,529  | -       | 53,194,316  | 44,171,757  | 4,111,899  | 3,811,142    | 300,757    | - | 40,059,858   | -       | 9,021,557   | 1,001      | -         | 1           | 49,082,417  | 9.31%  |
| 4   | Nguyễn Thế Thắng    | 19,860,296  | 17,639,631   | 2,220,665    | -           | -       | 19,860,296  | 2,749,455   | 1,073,963  | 1,073,963    | -          | - | 1,675,492    | -       | 17,110,841  | -          | -         | -           | 18,786,333  | 39.06% |
| 5   | Trần Thị Thùy       | 31,917,124  | 20,744,314   | 11,172,810   | 3,272,875   | -       | 28,644,249  | 14,149,556  | 5,638,958  | 5,385,320    | 253,638    | - | 8,510,598    | -       | 14,494,693  | -          | -         | -           | 23,005,291  | 39.85% |
| 6   | Tô Thanh Tuyền      | 47,860,495  | 5,007,304    | 42,853,191   | -           | -       | 47,860,495  | 44,549,465  | 30,671,432 | 30,539,535   | 131,897    | - | 13,878,033   | -       | 3,275,980   | -          | -         | 35,050      | 17,189,063  | 68.85% |
| 7   | Trần Thị Vân        | 287,920,376 | 273,106,993  | 14,813,383   | 1,370       | -       | 287,919,006 | 15,103,442  | 4,943,284  | 4,088,727    | 854,557    | - | 10,160,158   | -       | 272,815,564 | -          | -         | -           | 282,975,722 | 32.73% |
| 8   | KV 8                | 348,437,134 | 231,918,684  | 116,518,450  | -           | -       | 348,437,134 | 173,146,131 | 49,977,646 | 49,735,280   | 242,366    | - | 123,168,485  | -       | 164,471,277 | 10,819,726 | -         | -           | 298,459,488 | 28.86% |
| 1   | Phạm Công Rĩnh      | 197,307,056 | 168,973,603  | 28,333,453   |             | -       | 197,307,056 | 48,108,327  | 20,777,566 | 20,777,566   |            |   | 27,330,761   |         | 145,367,852 | 3,830,877  | -         |             | 176,529,490 | 43.19% |
| 2   | Phùng Mạnh Tường    | 75,283,111  | 27,508,125   | 47,774,986   |             |         | 75,283,111  | 62,492,859  | 21,019,410 | 20,819,910   | 199,500    |   | 41,473,449   |         | 12,790,252  |            |           |             | 54,263,701  | 33.63% |
| 3   | Trần Thu Phương     | 15,109,581  | 12,399,841   | 2,709,740    |             |         | 15,109,581  | 12,423,701  | 6,954,360  | 6,954,360    |            |   | 5,469,341    |         | 2,685,880   |            |           |             | 8,155,221   | 55.98% |
| 4   | Ninh Khắc Anh       | 21,582,446  | 7,885,373    | 13,697,073   |             |         | 21,582,446  | 20,826,984  | 651,317    | 608,451      | 42,866     |   | 20,175,667   |         | 755,462     |            |           |             | 20,931,129  | 3.13%  |

|     |                      |             |             |             |            |         |             |             |             |             |            |   |             |         |             |            |        |   |             |        |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-------------|------------|---------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|---|-------------|---------|-------------|------------|--------|---|-------------|--------|
| 5   | Lương Đức Toàn       | 39,154,940  | 15,151,742  | 24,003,198  |            |         | 39,154,940  | 29,294,260  | 574,993     | 574,993     |            |   | 28,719,267  |         | 2,871,831   | 6,988,849  |        |   | 38,579,947  | 1.96%  |
| 9   | KV 9                 | 537,630,578 | 290,951,829 | 246,678,749 | 13,796,233 | 25,080  | 523,809,265 | 296,031,704 | 167,881,776 | 166,545,513 | 1,336,263  | - | 127,679,147 | 470,781 | 227,417,202 | 360,359    | -      | - | 355,927,489 | 56.71% |
| 1   | Đinh Văn Vinh        | 21,870,819  | 2,745,119   | 19,125,700  | 13,349,596 | 200     | 8,521,023   | 7,910,659   | 5,261,980   | 5,104,369   | 157,611    | - | 2,648,679   | -       | 610,364     | -          | -      | - | 3,259,043   | 66.52% |
| 2   | Ngô Thị Loan         | 68,486,428  | 11,669,529  | 56,816,899  | -          | 24,880  | 68,461,548  | 66,632,502  | 56,224,068  | 55,811,268  | 412,800    | - | 9,943,653   | 464,781 | 1,827,242   | 1,804      | -      | - | 12,237,480  | 84.38% |
| 3   | Nguyễn Ngọc Thành    | 298,338,648 | 234,510,356 | 63,828,292  | -          | -       | 298,338,648 | 82,802,394  | 61,569,953  | 61,541,878  | 28,075     | - | 21,232,441  | -       | 215,536,254 | -          | -      | - | 236,768,695 | 74.36% |
| 4   | Trần Ngọc Diệp       | 84,672,594  | 7,856,562   | 76,816,032  | -          | -       | 84,672,594  | 81,768,629  | 25,243,233  | 24,832,856  | 410,377    | - | 56,525,396  | -       | 2,545,410   | 358,555    | -      | - | 59,429,361  | 30.87% |
| 5   | Trần Thị Ngọc Anh    | 46,265,196  | 28,623,870  | 17,641,326  | 446,637    | -       | 45,818,559  | 41,676,382  | 8,439,229   | 8,111,829   | 327,400    | - | 33,231,153  | 6,000   | 4,142,177   | -          | -      | - | 37,379,330  | 20.25% |
| 6   | Trần Thị Tuyết Nhung | 17,996,893  | 5,546,393   | 12,450,500  | -          | -       | 17,996,893  | 15,241,138  | 11,143,313  | 11,143,313  | -          | - | 4,097,825   | -       | 2,755,755   | -          | -      | - | 6,853,580   | 73.11% |
| 10  | KV 10                | 503,397,288 | 392,775,479 | 110,621,809 | 2,826,800  | 1,801   | 500,568,687 | 247,973,845 | 74,849,180  | 63,858,954  | 10,990,226 | - | 173,124,664 | 1       | 245,105,392 | 7,486,250  | 3,200  | - | 425,719,507 | 30.18% |
| 1.1 | Trần Văn Ninh        | 15,343,533  | 6,904,328   | 8,439,205   |            |         | 15,343,533  | 14,957,288  | 8,904,931   | 4,837,702   | 4,067,229  |   | 6,052,356   | 1       | 386,245     | -          |        |   | 6,438,602   | 59.54% |
| 1.2 | Nguyễn Thị Tâm       | 88,183,415  | 60,915,307  | 27,268,108  | -          |         | 88,183,415  | 60,169,523  | 17,171,873  | 11,254,486  | 5,917,387  |   | 42,997,650  |         | 28,013,892  |            |        |   | 71,011,542  | 28.54% |
| 1.3 | Đỗ Thị Việt Hà       | 116,601,298 | 105,333,832 | 11,267,466  |            | 1,801   | 116,599,497 | 39,986,173  | 15,604,876  | 14,831,696  | 773,180    |   | 24,381,297  |         | 76,613,324  |            |        |   | 100,994,621 | 39.03% |
| 1.4 | Nguyễn Bá Sang       | 67,422,025  | 39,339,066  | 28,082,959  |            |         | 67,422,025  | 48,328,167  | 19,791,498  | 19,741,498  | 50,000     |   | 28,536,669  |         | 11,607,608  | 7,486,250  |        |   | 47,630,527  | 40.95% |
| 1.5 | Nguyễn Thị Kim Anh   | 215,847,017 | 180,282,946 | 35,564,071  | 2,826,800  |         | 213,020,217 | 84,532,694  | 13,376,002  | 13,193,572  | 182,430    |   | 71,156,692  |         | 128,484,323 | -          | 3,200  | - | 199,644,215 | 15.82% |
| 11  | KV 11                | 875,973,928 | 734,862,808 | 141,111,120 | 5,829,963  | 693,400 | 869,450,565 | 355,277,145 | 124,335,039 | 58,687,755  | 65,647,284 | - | 230,842,499 | 99,607  | 500,094,268 | 14,025,952 | 53,200 | - | 745,115,526 | 35.00% |
| 1   | Trần Thị Sinh        | 80,223,525  | 37,352,484  | 42,871,041  | 1,551,599  | 693,100 | 77,978,826  | 59,726,936  | 13,639,065  | 12,754,372  | 884,693    |   | 45,988,264  | 99,607  | 17,025,966  | 1,210,900  | 15,024 |   | 64,339,761  | 22.84% |
| 2   | Lương Thị Hương      | 175,561,603 | 167,286,756 | 8,274,847   |            |         | 175,561,603 | 89,398,465  | 14,408,037  | 14,324,930  | 83,107     |   | 74,990,428  |         | 86,124,962  |            | 38,176 |   | 161,153,566 | 16.12% |
| 3   | Trần Thị The         | 498,246,105 | 478,400,799 | 19,845,306  | 1,240,966  |         | 497,005,139 | 131,904,124 | 73,894,352  | 9,317,768   | 64,576,584 | - | 58,009,772  | -       | 362,234,058 | 2,866,957  |        | - | 423,110,787 | 56.02% |
| 4   | Trần Thị Nụ          | 75,435,293  | 39,790,248  | 35,645,045  | -          | 300     | 75,434,993  | 43,204,064  | 16,115,604  | 16,012,704  | 102,900    |   | 27,088,460  |         | 29,546,877  | 2,684,052  |        |   | 59,319,389  | 37.30% |
| 5   | Trần Minh Anh        | 46,507,402  | 12,032,521  | 34,474,881  | 3,037,398  | -       | 43,470,004  | 31,043,556  | 6,277,981   | 6,277,981   | -          |   | 24,765,575  |         | 5,162,405   | 7,264,043  |        |   | 37,192,023  | 20.22% |

Ninh Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2026

KT.TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Đức Toàn

Lê Chí linh

**PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG**

08 tháng / năm 2026

Đơn vị tính: việc

| TT | Tiêu chí | Tổng số việc chủ động | Chia ra                |         |                      |          |        |                                             |                      | Tổng số việc theo yêu cầu | Chia ra                |         |                      |          |        |                                             |                      |
|----|----------|-----------------------|------------------------|---------|----------------------|----------|--------|---------------------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|---------|----------------------|----------|--------|---------------------------------------------|----------------------|
|    |          |                       | Kinh doanh, thương mại | Phá sản | Hôn nhân và gia đình | Lao động | Dân sự | Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế | Dân sự trong hình sự |                           | Kinh doanh, thương mại | Phá sản | Hôn nhân và gia đình | Lao động | Dân sự | Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế | Dân sự trong hình sự |
|    | A        | 1                     | 2                      | 3       | 4                    | 5        | 6      | 7                                           | 8                    | 9                         | 10                     | 11      | 12                   | 13       | 14     | 15                                          | 16                   |
|    | Tổng số  | 2,041                 | 138                    | 1       | 85                   | 3        | 255    | 83                                          | 1,476                | 694                       | 114                    | -       | 76                   | 8        | 329    | 6                                           | 161                  |
| II | Các KV   | 2,041                 | 138                    | 1       | 85                   | 3        | 255    | 83                                          | 1,476                | 694                       | 114                    | -       | 76                   | 8        | 329    | 6                                           | 161                  |
| 1  | Phòng NV | 42                    | 2                      | -       | -                    | -        | 1      | 2                                           | 37                   | 9                         | 3                      | -       | -                    | -        | -      | -                                           | 6                    |
| 2  | KV 1     | 398                   | 32                     | -       | 7                    | 2        | 40     | 9                                           | 308                  | 76                        | 13                     | -       | 8                    | 7        | 23     | -                                           | 25                   |
| 3  | KV 2     | 74                    | 7                      | -       | 2                    | -        | 1      | 2                                           | 62                   | 16                        | 5                      | -       | 3                    | -        | 2      | -                                           | 6                    |
| 4  | KV 3     | 4                     | -                      | -       | -                    | -        | -      | -                                           | 4                    | -                         | -                      | -       | -                    | -        | -      | -                                           | -                    |
| 5  | KV 4     | 285                   | 12                     | -       | 4                    | -        | 11     | 32                                          | 226                  | 28                        | 8                      | -       | 6                    | 1        | 3      | 1                                           | 9                    |
| 6  | KV 5     | 59                    | 6                      | -       | 2                    | -        | 9      | 3                                           | 39                   | 8                         | 3                      | -       | 1                    | -        | 2      | -                                           | 2                    |
| 7  | KV 6     | 28                    | -                      | -       | 2                    | -        | 3      | -                                           | 23                   | 5                         | 2                      | -       | 1                    | -        | 1      | -                                           | 1                    |
| 8  | KV 7     | 358                   | 20                     | -       | 8                    | 1        | 30     | 8                                           | 291                  | 79                        | 15                     | -       | 5                    | -        | 27     | 1                                           | 31                   |
| 9  | KV 8     | 142                   | 9                      | -       | 17                   | -        | 18     | -                                           | 98                   | 64                        | 10                     | -       | 9                    | -        | 29     | -                                           | 16                   |
| 10 | KV 9     | 211                   | 17                     | -       | 23                   | -        | 42     | 14                                          | 115                  | 106                       | 20                     | -       | 19                   | -        | 46     | 3                                           | 18                   |
| 11 | KV 10    | 178                   | 13                     | -       | 3                    | -        | 36     | 4                                           | 122                  | 79                        | 11                     | -       | 8                    | -        | 39     | 1                                           | 20                   |
| 12 | KV 11    | 262                   | 20                     | 1       | 17                   | -        | 64     | 9                                           | 151                  | 224                       | 24                     | -       | 16                   | -        | 157    | -                                           | 27                   |

PHỤ LỤC THEO DỐI SỐ TIỀN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỐ THEO DỐI RIÊNG

08 tháng/ năm 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| TT | Tiêu chí   | Tổng số tiền chủ động | Chia ra                |           |                      |          |           |                                             |                      | Tổng số tiền theo yêu cầu | Chia ra                |         |                      |           |             |                                             |                      |
|----|------------|-----------------------|------------------------|-----------|----------------------|----------|-----------|---------------------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|---------|----------------------|-----------|-------------|---------------------------------------------|----------------------|
|    |            |                       | Kinh doanh, thương mại | Phá sản   | Hôn nhân và gia đình | Lao động | Dân sự    | Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế | Dân sự trong hình sự |                           | Kinh doanh, thương mại | Phá sản | Hôn nhân và gia đình | Lao động  | Dân sự      | Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế | Dân sự trong hình sự |
|    | A          | 1                     | 2                      | 3         | 4                    | 5        | 6         | 7                                           | 8                    | 9                         | 10                     | 11      | 12                   | 13        | 14          | 15                                          | 16                   |
|    | Tổng số    | 165,209,073           | 21,000,447             | 3,014,944 | 542,557              | 19,791   | 5,647,108 | 34,501,321                                  | 100,482,905          | 1,670,094,931             | 1,133,750,540          | -       | 3,374,276            | 1,212,969 | 364,530,129 | 43,097,915                                  | #####                |
| II | Các Kv     | 165,209,073           | 21,000,447             | 3,014,944 | 542,557              | 19,791   | 5,647,108 | 34,501,321                                  | 100,482,905          | 1,670,094,931             | 1,133,750,540          | -       | 3,374,276            | 1,212,969 | 364,530,129 | 43,097,915                                  | #####                |
| 1  | Phòng NV   | 28,138,429            | 137,618                | -         | -                    | -        | 18,263    | 2,005,757                                   | 25,976,791           | 19,463,823                | 1,894,175              | -       | -                    | -         | -           | -                                           | 17,569,648           |
| 2  | Khu vực 1  | 16,722,762            | 1,399,135              | -         | 78,232               | 7,833    | 492,355   | 1,819,864                                   | 12,925,343           | 60,277,230                | 46,001,991             | -       | 408,100              | 1,073,460 | 10,019,128  | -                                           | 2,774,551            |
| 3  | Khu vực 2  | 10,257,011            | 149,507                | -         | 8,045                | -        | 13,300    | 186,020                                     | 9,900,139            | 4,648,709                 | 4,066,344              | -       | 45,880               | -         | 244,000     | -                                           | 292,485              |
| 4  | Khu vực 3  | 697,009               | -                      | -         | -                    | -        | -         | -                                           | 697,009              | -                         | -                      | -       | -                    | -         | -           | -                                           | -                    |
| 5  | Khu vực 4  | 14,991,967            | 696,321                | -         | 66,116               | -        | 70,209    | 9,232,564                                   | 4,926,757            | 21,957,385                | 18,672,876             | -       | 68,202               | 139,509   | 359,335     | 2,200,181                                   | 517,282              |
| 6  | Khu vực 5  | 2,661,636             | 258,049                |           | 23,739               |          | 233,504   | 367,387                                     | 1,778,957            | 41,648,364                | 31,536,769             |         | 22,000               |           | 9,474,132   |                                             | 615,463              |
| 7  | Khu vực 6  | 890,812               | -                      | -         | 5,200                | -        | 21,195    | -                                           | 864,417              | 162,911,517               | 162,798,634            | -       | 5,500                | -         | -           | -                                           | 107,383              |
| 8  | Khu vực 7  | 18,671,173            | 1,168,171              | -         | 85,661               | 11,958   | 857,977   | 1,929,967                                   | 14,617,439           | 106,004,017               | 51,225,749             | -       | 381,602              | -         | 33,733,474  | 75,409                                      | 20,587,783           |
| 9  | Khu vực 8  | 7,059,668             | 467,196                | -         | 24,401               | -        | 302,485   | 447,456                                     | 5,818,130            | 47,352,322                | 38,349,586             | -       | 472,232              | -         | 6,326,862   | -                                           | 2,203,642            |
| 10 | Khu vực 9  | 10,686,815            | 1,330,929              | -         | 82,506               | -        | 1,316,854 | 4,034,997                                   | 3,921,529            | 402,565,255               | 296,582,643            | -       | 549,443              | -         | 19,564,011  | 24,826,563                                  | 61,042,595           |
| 11 | Khu vực 10 | 27,710,427            | 13,406,862             | -         | 28,730               | -        | 794,265   | 387,704                                     | 13,092,866           | 266,363,820               | 159,660,009            | -       | 404,800              | -         | 81,323,974  | 15,995,762                                  | 8,979,275            |
| 12 | Khu vực 11 | 26,721,364            | 1,986,659              | 3,014,944 | 139,927              | -        | 1,526,701 | 14,089,605                                  | 5,963,528            | 536,902,489               | 322,961,764            | -       | 1,016,517            | -         | 203,485,213 | -                                           | 9,438,995            |